TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-07-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phát Lộc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Châu Văn Bằng
2. Ông Nguyễn Văn Trương

Thư ký phiên tòa: Bà Vủ Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm– Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/05/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 07 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2019/QĐ – HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm: 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp ĐL, xã ĐP, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp ĐL, xã ĐP, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 10/05/2019, quá trình tố tụng và tại tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích C trình bày:

Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn năm 2008 và đăng ký kết hôn năm 2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T cờ bạc, rượu chè không quan

tâm vợ con nên vợ chồng thường cải vả nhau và vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Do tình cảm không còn nên chị C yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Phút A, sinh ngày 08/11/2008 và Nguyễn Thành Cát L, sinh ngày: 28/5/2012, hiện đang sống với chị C, chị C yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại tòa hôm nay, Thẩm phán - Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung chị C được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu; Về tài sản chung; Nợ chung: đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết; Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn do anh T cờ bạc, rượu chè không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường cải vả nhau và vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của chị C. Anh T không đến Tòa tham gia hòa giải điều đó cho thấy anh T không có thiện chí muốn được hòa giải đoàn tụ. Nay chị C yêu cầu ly hôn, xét đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu A và cháu L đang sống với chị C, đồng thời cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với chị C nhằm để ổn định cuộc sống của các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu A và cháu L cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh T, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung; Nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Các Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Nguyễn Văn T được ly hôn

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Phút A, sinh ngày 08/11/2008 và Nguyễn Thành Cát L, sinh ngày: 28/5/2012 cho chị Nguyễn Thị Bích C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh T, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; Nợ chung: Khai không có, không ai yêu cầu nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0018179 ngày 10/05/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- TANDT. Hậu Giang;
- VKS nhân dân H. Châu Thành;
- THA H. Châu Thành;
- UBND xã (để theo dõi);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phát Lộc